

Số: 16/2026/QĐ – PKTT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt hồ sơ mời thầu Thuốc theo tên Generic
giai đoạn năm 2026-2027

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGUYỄN TRỌNG THỌ

Căn cứ vào luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Xét Tờ trình số 15/2026/TTr - PKTT ngày 03/7/2026 của Phòng khám về việc xin phê duyệt E-HSMT của tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu thuốc;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ – PKTT ngày 23/6/2026 của Phòng khám về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuốc giai đoạn năm 2026-2027;

Căn cứ Báo cáo số 14/2026 /BC-PKTT ngày 02/7/2026 của Phòng khám về việc báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chấp thuận E-HSMT thuốc: Thuốc theo tên Generic giai đoạn năm 2026-2027 của phòng khám đa khoa Nguyễn Trọng Thọ (có hồ sơ kèm theo).

Điều 2: Căn cứ nội dung E- HSMT đã được phê duyệt tại Điều 1, các bộ phận được phân công nhiệm vụ đấu thầu thuốc cho PKĐK Nguyễn Trọng Thọ tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.



Điều 3: Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu, Tổ thẩm định và các bộ phận có liên quan căn cứ quyết định này để thực hiện.

Điều 4: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cơ quan BHXH (để báo cáo);
- Tổ CGGV đấu thầu (để thực hiện);
- Tổ TĐKQ đấu thầu (để thực hiện);
- Lưu: PK.

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

**PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
NGUYỄN TRỌNG THỌ**
SN 532 - Đường Triệu Túc - Thôn Ngã Tư
Xã Sơn Đông - Thành phố Hà Nội

Nguyễn Trọng Thọ

**I ĐA KH
ONG TH
Túc - Thôn Ng
nh phố Hà Nội**

**DANH MỤC ĐẦU THẦU THUỐC NĂM 2026 TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGUYỄN TRỌNG THỌ
GIAI ĐOẠN 2026-2027**

(Kèm theo Quyết định số 16/2026/QĐ – PKTT ngày tháng năm 2026)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	G.01	Diclofenac	4	18,5g	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	100	19.500	1.950.000
2	G.02	Meloxicam	2	7,5mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	1.050	21.000.000
3	G.03	Allopurinol	2	300mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000	1.050	2.100.000
4	G.04	Colchicin	4	1mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000	650	1.300.000
5	G.05	Cetirizin	4	10mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000	850	1.700.000
6	G.06	Cinnarizin	4	25mg	Uống	Viên nén	Viên	8.000	120	960.000
7	G.07	Chlorpheniramin	4	4mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000	350	350.000
8	G.08	Desloratadin	2	2,5mg/5ml x 60ml	Uống	Dung dịch	Lọ	50	68.000	3.400.000
9	G.09	Loratadin	4	10mg	Uống	Viên nén	Viên	15.000	316	4.740.000
10	G.10	Amoxicilin	4	500mg	Uống	Viên nang	Viên	6.000	1.040	6.240.000
11	G.11	Amoxicilin Acid clavulanic	1	500mg 62,5mg	Uống	Thuốc bột	Gói	1.000	16.014	16.014.000
12	G.12	Amoxicilin Acid clavulanic	3	250mg + 31,25mg	Uống	Thuốc bột	Gói	3.000	7.122	21.366.000
13	G.13	Amoxicilin Acid clavulanic	4	500mg + 125mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	2.000	11.000	22.000.000
14	G.14	Amoxicilin Acid clavulanic	3	875mg 125mg	Uống	Viên nén dài bao phim	Viên	5.000	10.000	50.000.000
15	G.15	Cefaclor	3	250mg	Uống	Viên nang	Viên	3.000	8.400	25.200.000
16	G.16	Cefixim	4	200mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000	2.500	5.000.000
17	G.17	Cefuroxim	3	125mg/5ml - 38g	Uống	Bột pha hỗn dịch	Lọ	50	40.000	2.000.000
18	G.18	Cefuroxim	4	500mg	Uống	Viên nén	Viên	8.000	4.000	32.000.000
19	G.19	Tobramycin	1	0,3%	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	30	15.000	450.000
20	G.20	Tobramycin + Dexamethason	1	0,3%/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	30	25.000	750.000
21	G.21	Metronidazol	4	250mg	Uống	Viên nén	Viên	8.000	350	2.800.000
22	G.22	Azithromycin	3	500mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	4.500	45.000.000
23	G.23	Azithromycin	1	200mg/5ml	Uống	Thuốc bột	Lọ	200	115.000	23.000.000
24	G.24	Clarithromycin	3	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000	9.500	28.500.000
25	G.25	Ciprofloxacin	2	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8.000	1.550	12.400.000
26	G.26	Ofloxacin	4	200mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	1.800	1.800.000
27	G.27	Sulfamethoxazol Trimethoprim	4	0,4g 0,08g	Uống	Viên nén	Viên	2.000	380	760.000
28	G.28	Aciclovir	4	250mg/5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	50	10.000	500.000
29	G.29	Aciclovir	4	400mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	2.650	2.650.000
30	G.30	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	5	500mg + 108,3mg + 22,73mg	Đặt	Viên đặt âm đạo	Viên	1.000	9.000	9.000.000
31	G.31	Sắt fumarat + acid folic	4	200mg 1mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	900	9.000.000
32	G.32	Trimetazidin	1	35mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	2.973	14.865.000
33	G.33	Bisoprolol	2	5mg	Uống	Viên nén	Viên	7.000	2.000	14.000.000
34	G.34	Captopril	2	25mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	650	3.250.000
35	G.35	Enalapril	2	10mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	1.213	6.065.000

	G.36	Methyldopa	1	250mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	2.200	44.000.000
	G.37	Metoprolol	1	25mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	5.082	5.082.000
	G.38	Metoprolol	1	50mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	6.357	127.140.000
39	G.39	Nifedipin	4	20mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Viên	7.000	750	5.250.000
40	G.40	Perindopril	1	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40.000	6.199	247.960.000
41	G.41	Perindopril + Amlodipin	1	4mg + 10mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	8.000	160.000.000
42	G.42	Perindopril + Amlodipin	2	4mg + 5mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	4.250	85.000.000
43	G.43	Amlodipin + Atorvastatin	1	10mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000	9.200	92.000.000
44	G.44	Perindopril+ Indapamid	1	5mg+1,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15.000	7.131	106.965.000
45	G.45	Telmisartan	1	40mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	10.349	51.745.000
46	G.46	Telmisartan	2	40mg	Uống	Viên nén	Viên	25.000	4.200	105.000.000
47	G.47	Telmisartan + hydrochlorothiazid	1	40mg + 12.5mg	Uống	Viên nén	Viên	6.000	10.387	62.322.000
48	G.48	Acid acetylsalicylic	4	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	4.000	500	2.000.000
49	G.49	Fenofibrat	1	145mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000	8.134	16.268.000
50	G.50	Fenofibrat	2	200mg	Uống	Viên nang	Viên	16.000	2.610	41.760.000
51	G.51	Rosuvastatin	4	5mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000	4.100	12.300.000
52	G.52	Spirolacton	1	25mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000	3.125	6.250.000
53	G.53	Aluminum phosphat	1	12,38g	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	5.000	4.416	22.080.000
54	G.54	Attapulgit hoạt tính 2,5g; Magnesi carbonat 0,3g; Nhôm hydroxyd 0,2g	4	3g	Uống	Thuốc bột	Gói	8.000	2.000	16.000.000
55	G.55	Lansoprazol	2	30mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	1.700	8.500.000
56	G.56	Omeprazol	4	20mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.000	30.000.000
57	G.57	Esomeprazol	2	40mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	7.000	35.000.000
58	G.58	Domperidone	4	10 mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	295	5.900.000
59	G.59	Alverin (citrat)	4	40mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	400	4.000.000
60	G.60	Bacillus subtilis	4	10 ⁷ -10 ⁸ CFU, 250mg	Uống	Viên nang	Viên	6.000	1.800	10.800.000
61	G.61	Diosmectit	1	3g	Uống	Thuốc bột	Gói	7.000	4.082	28.574.000
62	G.62	Lactobacillus acidophilus	4	1g	Uống	Thuốc bột	Gói	8.000	2.800	22.400.000
63	G.63	Methyl prednisolon	1	4mg	Uống	Viên nén	Viên	7.000	1.105	7.735.000
64	G.64	Methyl prednisolon	1	16mg	Uống	Viên nén	Viên	30.000	3.930	117.900.000
65	G.65	Gliclazide	1	30mg	Uống	Viên nén	Viên	40.000	3.143	125.720.000
66	G.66	Gliclazide	2	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	40.000	1.400	56.000.000
67	G.67	Gliclazide	1	60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	30.000	5.990	179.700.000
68	G.68	Gliclazide	2	60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	30.000	4.100	123.000.000
69	G.69	Metformin	2	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000	930	18.600.000
70	G.70	Metformin	2	1000mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	30.000	2.273	68.190.000
71	G.71	Eperison	1	50mg	Uống	Viên nén	Viên	25.000	3.416	85.400.000
72	G.72	Natri clorid	4	0.9%/ 10ml	Nhỏ mắt, mũi	Dung dịch	Lọ	100	3.000	300.000

73		Piracetam	4	400mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	50.000	700	35.000.000
74	G.74	N-acetylcystein	4	200mg	Uống	Thuốc bột	Gói	4.000	985	3.940.000
75	G.75	N-acetylcystein	4	100mg	Uống	Thuốc cốm	Gói	2.000	1.200	2.400.000
76	G.76	Glucose khan Natriclorid Natricitrat Kaliclorid	4	4,00g 0,70g 0,58g 0,30g/ 5,6g	Uống	Thuốc bột	Gói	10.000	1.700	17.000.000
77	G.77	Calci Carbonat	4	1250mg	Uống	Viên nén nhai	Viên	4.000	1.910	7.640.000
78	G.78	Vitamin A + Vitamin D3	4	2000UI + 250UI	Uống	Viên nang mềm	Viên	20.000	650	13.000.000
79	G.79	Vitamin B1 + B6 + B12	4	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	40.000	1.150	46.000.000
80	G.80	Paracetamol	4	500mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000	400	800.000
81	G.81	Paracetamol	3	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	2.000	2.625	5.250.000
82	G.82	Paracetamol	3	250mg	Uống	Thuốc bột	Gói	2.000	2.468	4.936.000
83	G.83	Paracetamol	3	150mg	Uống	Thuốc bột	Gói	2.000	1.995	3.990.000
84	G.84	Paracetamol Clorphenamin	4	325mg 2mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000	368	736.000
85	G.85	Fexofenadin	2	180mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	4.000	4.000.000
86	G.86	Azithromycin	4	200mg	Uống	Thuốc bột	Gói	2.000	3.780	7.560.000
87	G.87	Levofloxacin	4	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	8.100	3.500	28.350.000
88	G.88	Trimetazidin	2	35mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	30.000	2.000	60.000.000
89	G.89	Amlodipin	2	5 mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	894	13.410.000
90	G.90	Losartan	2	50mg	Uống	Viên nén	Viên	25.000	2.500	62.500.000
91	G.91	Atorvastatin	2	10mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000	2.500	5.000.000
92	G.92	Atorvastatin	2	20mg	Uống	Viên nén	Viên	15.000	4.850	72.750.000
										2.923.213.000